

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị tư vấn đấu thầu tại Việt Nam

Bệnh viện Nội tiết Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán và giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện tư vấn đấu thầu mua sắm gói thầu mua vật tư, hoá chất xét nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Nội tiết Nam Định

Địa chỉ: Đường Phù Nghĩa, P. Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Bùi Thị Thu Hà

Trưởng Khoa Dược – TTBYT

ĐT: 0915115504

Email: hathuy11.5@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Đơn vị tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Nội tiết Nam Định, Đường Phù Nghĩa, P. Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình

- Nhận qua email: hathuy11.5@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 20 tháng 05 năm 2026 đến trước 12h00 ngày 25 tháng 05 năm 2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 25 tháng 05 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. *Thông tin gói thầu cần tư vấn*

- Loại hàng hoá: Vật tư, hoá chất xét nghiệm.

- Gồm 4 phần:

+ Phần 1: Vật tư thay thế, hoá chất xét nghiệm sử dụng trên máy phân tích điện giải Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức) (Gồm 9 mặt hàng)

+ Phần 2: Hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy huyết học tự động Auto Star Diff 5 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức) (Gồm 06 mặt hàng)

+ Phần 3: Thiết bị y tế, hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản) (Gồm 09 mặt hàng)

+ Phần 4: Mua thiết bị y tế, hoá chất xét nghiệm sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Auto 100 (Hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH) (Gồm 04 mặt hàng)

- Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức lựa chọn nhà thầu dự kiến:

+ Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng.

+ Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu dự kiến: Quý II năm 2025.

2. Các dịch vụ đề nghị báo giá:

Bệnh viện Nội tiết Nam Định kính mời các đơn vị đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu gửi báo giá các dịch vụ sau:

- Tư vấn lập E-HSDT và đánh giá Hồ sơ dự thầu (E-HSDT)

- Tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Hồ sơ báo giá

Đề nghị các đơn vị quan tâm gửi Hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Báo giá dịch vụ tư vấn (Đơn vị có thể chào giá 1 hoặc cả 2 dịch vụ)

- Hồ sơ năng lực của công ty (Bao gồm: Bản chụp Giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp có phạm vi ngành nghề kinh doanh dịch vụ tư vấn đấu thầu,...)

Đơn vị chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ chào giá.

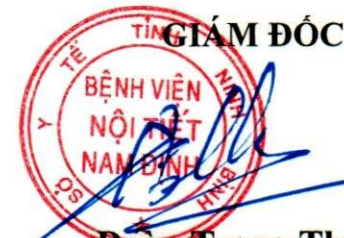
Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- BGĐ, Khoa Dược-TTBYT;

- Lưu VT.



Đoàn Trọng Thuyết

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA ĐẦU THẦU

(kèm theo Thông báo mời báo giá số 272/TB-BVNTND ngày 18/05/2026 của Bệnh viện Nội tiết Nam Định)

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
Phần 1: Vật tư thay thế, hoá chất xét nghiệm sử dụng trên máy phân tích điện giải Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)				
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng đa thông số điện giải (K, Na, Cl, Ca, pH)	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần chính: KCl, NaCl, NaAc, CaCl₂, đệm pH. - Giá trị hiệu chuẩn: Calibration A: K+ 4 mmol/L, Na+ 140 mmol/L, Cl- 100 mmol/L, Ca²⁺ 1.25 mmol/L, pH 7.4 Calibration B: K+ 8 mmol/L, Na+ 110 mmol/L, Cl- 70 mmol/L, Ca²⁺ 2.5 mmol/L, pH 7 - Nồng độ cho mỗi xét nghiệm: Ammonium molybdate 0.4 mmol/l Sulphuric acid 100 mmol/l Hydrochloric acid 100 mmol/l - Mẫu bệnh phẩm: Huyết thanh người - Tương quan tuyến tính hệ số r: K+ ≥0.99, Na+ ≥0.99, Cl- ≥0.99, Ca²⁺ ≥0.99 - Độ lệch tuyến tính D: K+ ≤3%, Na ≤1%, Cl- ≤2%, Ca²⁺ ≤5% - Độ nhạy của phép phân tích K+ ≤0.2mmol/L, Na+ ≤6.7mmol/L, Cl- ≤6.2mmol/L, Ca²⁺ ≤0.1mmol/L - Độ chính xác: K+ ≤2%, Na+ ≤1.5%, Cl- ≤2%, Ca²⁺ ≤5%, pH ≤1% - Thể tích: (Calibration A: ≥650ml; Calibration B: ≥200ml)/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức) 	40	Hộp
2	Dung dịch rửa hàng ngày dùng cho máy xét nghiệm điện giải đồ	<ul style="list-style-type: none"> Thành phần chính: Sodium hypochlorite (NaClO) 0.4% - 0.5% Thể tích: ≥50ml/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức) 	8	Hộp
3	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích điện giải	<ul style="list-style-type: none"> *Thành phần chính: Enzyme: Pepsin. Dilutor: KCl, NaCl, Hydrochloride acid. *Thể tích: ≥ 6ml/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức) 	7	Hộp
4	Điện cực xét nghiệm định lượng Na ⁺	<ul style="list-style-type: none"> Điện cực Na electrode Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức) 	3	Chiếc
5	Điện cực xét nghiệm định lượng K ⁺	<ul style="list-style-type: none"> Điện cực K electrode Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức) 	3	Chiếc
6	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl ⁻	<ul style="list-style-type: none"> Điện cực Cl electrode Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức) 	3	Chiếc
7	Điện cực xét nghiệm định lượng Ca ⁺	<ul style="list-style-type: none"> Điện cực Ca electrode Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức) 	4	Chiếc
8	Điện cực xét nghiệm định lượng pH	<ul style="list-style-type: none"> Điện cực pH electrode Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức) 	4	Chiếc
9	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng (Na, K, Cl, Ca, pH)	<ul style="list-style-type: none"> *Thành phần chính: KCl, NaCl, NaAc, CaCl₂, LiCl, pH buffer, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản. *Đặc tính hiệu suất: Trong khoảng CV: K+ ≤1.5%, Na+ ≤1.5%, Cl- ≤1.5%, Ca⁺⁺ ≤1.5%, pH ≤1.0% Giữa khoảng CV: K+ ≤3.0%, Na+ ≤3.0%, Cl- ≤3.0%, Ca⁺⁺ ≤5.0%, pH ≤1.0% *Thể tích: ≥ 10ml/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích điện giải model Auto ISE500 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức) 	11	Hộp
Phần 2: Hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy huyết học tự động Auto Star Diff 5 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)				



STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Dung dịch pha loãng	*Thành phần chính: Sodium chloride < 0.9% Potassium chloride < 0.06% Buffer < 0.3% Preservative < 0.1% *Thể tích: ≥20 lít/ thùng Sử dụng tương thích trên máy huyết học tự động Auto Star Diff 50 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)	52	Thùng
2	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm huyết học 5 thành phần	Thành phần chính: Healthy mammal blood (pig), preservatives and cell stabilizers. Thể tích: ≥3ml/lọ Sử dụng tương thích trên máy huyết học tự động Auto Star Diff 50 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)	36	Lọ
3	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	*Thành phần chính: Detergent < 1.5% Buffer < 2.0% Preservative < 1.5% Dye < 1.0% *Thể tích: ≥1 Lit/chai Sử dụng tương thích trên máy huyết học tự động Auto Star Diff 50 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)	44	Chai
4	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	Thành phần chính: Detergent < 0.5% Buffer < 0.6% Preservative < 0.7% Thể tích: ≥500ml/chai Sử dụng tương thích trên máy huyết học tự động Auto Star Diff 50 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)	39	Chai
5	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo các thành phần huyết học trong máu	*Thành phần chính: Detergent < 4.0% Buffer < 1.0% *Thể tích: ≥500ml/chai Sử dụng tương thích trên máy huyết học tự động Auto Star Diff 50 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)	39	Chai
6	Hoá chất rửa dùng cho máy xét nghiệm	*Thành phần chính: Sodium hypochlorite < 8.0% Sodium hydrate < 2.0% *Thể tích: ≥50ml/lọ Sử dụng tương thích trên máy huyết học tự động Auto Star Diff 50 (hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH/Đức)	8	Lọ

Phần 3: Thiết bị y tế, hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)

1	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c	Thành phần: Natri azide: ≤0.01 %; Chất oxi hoá: ≤0.7%; Phosphate: ≤1%. Thể tích: ≥2400ml/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	24	Hộp
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c	- Thành phần: Natri azide: ≤0.06%; Chất oxi hoá ≤3%; Phosphate: ≤2%. Thể tích: ≥ 1200ml/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	13	Hộp
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c	- Thành phần: Natri azide : ≤0.01%; Chất oxi hoá: ≤0.3%; Phosphate: ≤1%. Thể tích: ≥ 1200ml/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	16	Hộp
4	Dung dịch pha loãng máu toàn phần và rửa đường ống	- Thành phần: Natri azide: ≤0.02%; Phosphate: ≤0.1%; Chất hoạt động bề mặt: ≤0.1%. Thể tích: ≥ 6 lít/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	29	Hộp
5	Cột sắc ký	Cột sắc ký dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người khi thực hiện phép đo trên máy xét nghiệm ADAMS A1c HA-8180V Sử dụng tương thích trên máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	5	Cột

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
6	Dung dịch hiệu chuẩn	- Thành phần: + Dung dịch chuẩn mức thấp, dung dịch chuẩn mức cao: Hemoglobin nguồn gốc từ người: $\leq 0.6\%$ + Dung dịch pha loãng: Phosphate: $\leq 0.1\%$; Chất hoạt động bề mặt: $\leq 0.1\%$. Thể tích: (mức thấp: $\geq 9\text{ml}$; mức cao: $\geq 9\text{ml}$; pha loãng: $\geq 30\text{ml}$)/Hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích Hba1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	5	Hộp
7	Chất kiểm chuẩn	- Thành Phần: Hemoglobin người: 13.0-15.0g/dL; Kali Cyanide: $\leq 0.005\%$. Thể tích: (Level 1: $\geq 1\text{ml}$; Level 2: $\geq 1\text{ml}$)/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích Hba1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	5	Hộp
8	Dung dịch pha loãng mẫu hiệu chuẩn	- Thành phần: + Dung dịch pha loãng: Phosphate: $\leq 0.1\%$, Chất hoạt động bề mặt: $\leq 0.1\%$ + Dung dịch hoàn nguyên: Phosphate: 0.6%, Chất hoạt động bề mặt: 1% Thể tích: (dung dịch pha loãng: $\geq 250\text{ml}$, dung dịch hoàn nguyên: $\geq 15\text{ml}$)/hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích Hba1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	5	Hộp
9	Dung dịch rửa máy	- Thành phần: 1. Chất hoạt động bề mặt không chứa ion: 1- 5%; 2. Muối vô cơ: 1-5%; 3. Chất khử trùng: 0.1- 1%; 4. Nước tinh khiết: 85-95%. Thể tích: $\geq 250\text{ml}$ /hộp Sử dụng tương thích trên máy phân tích Hba1c tự động ADAMS A1c HA-8180V (hãng sản xuất Arkray/ Nhật Bản)	3	Hộp

Phần 4: Mua thiết bị y tế, hoá chất xét nghiệm sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Auto 100 (Hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH)

1	Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Thành phần chính: Ascorbic Acid: 2,6-dichloro-phenol-indophenol 0.5mg. Leukocytes: indoxyl ester 1.4mg; diazonium salt 0.7mg. Ketone: sodium nitroprusside 30.0mg. Nitrite: sulfanilamide 0.65mg; N-(naphthyl)-ethylenediammonium dihydrochloride 0.45mg. Urobilinogen: fast blue B salt 1.2mg. Bilirubin: 2,4-dichlorobenzene diazonium 14.3mg. Protein: tetrabromphenol blue 0.36mg. Glucose: glucose oxidase 6.2mg; peroxidase 2.8mg; 4-aminoantipyrine 0.08mg. Specific Gravity: bromthymol blue 0.4mg; sodium poly methyl vinyl acetate maleic 16mg. Blood: cumene hydroperoxide 35.2mg; 3,3',5,5'-tetramethylbenzidine 2.0mg. pH: bromocresol green 0.2mg; bromxylenol blue 3.3mg. Quy cách: ≥ 100 test/Hộp Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm phân tích nước tiểu tự động Model Auto 100 (Hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH)	625	Hộp
2	Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích nước tiểu tự động	Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích nước tiểu tự động Thành phần chính: NaOH, chất hoạt động bề mặt, dung dịch đệm Quy cách: $\geq 500\text{ml}$ /Chai Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm phân tích nước tiểu tự động Model Auto 100 (Hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH)	54	Chai
3	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm nước tiểu mức 1	Dung dịch kiểm tra chất lượng mức 1, dùng cho máy phân tích nước tiểu tự động. Quy cách: $\geq 8\text{ml}$ /lọ Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm phân tích nước tiểu tự động Model Auto 100 (Hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH)	34	Lọ
4	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm nước tiểu mức 2	Dung dịch kiểm tra chất lượng mức 2, dùng cho máy phân tích nước tiểu tự động. Quy cách: $\geq 8\text{ml}$ /lọ Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm phân tích nước tiểu tự động Model Auto 100 (Hãng sản xuất MTI Diagnostics GmbH)	34	Lọ